

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2024

*V/v: “Không công nhận quan
hệ vợ chồng”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Dũng;
- Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2024/TLST- HNGĐ 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bùi Văn C, sinh năm 1968 (*Có mặt*).

Bị đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1964 (*Có mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

Hôn nhân của ông, bà là do mai mối, có thời gian tìm hiểu khoảng 05 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 21/02/1989 (*âm lịch*), nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu của hôn nhân vợ, chồng chung sống rất hạnh phúc đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không có tiếng nói

chung, nên vợ, chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và sống ly thân từ ngày 18/6/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông, bà đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay ông C nhận thấy không còn tình cảm với bà T nên ông xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông C và bà T có 02 con chung là anh Bùi Xuân Y, sinh ngày 21/11/1989 và chị Bùi Thị L, sinh ngày 06/6/1997 đã thành niên, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung riêng và nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị T trình bày như sau:

Hôn nhân của bà và ông C là do mai mối, có thời gian tìm hiểu khoảng 05 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 21/02/1989 (*âm lịch*) nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu của hôn nhân vợ, chồng chung sống rất hạnh phúc đến tháng 9/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, nên vợ, chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và sống ly thân từ ngày 18/6/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân bà và ông C đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay bà không còn tình cảm với ông C nên bà đồng ý ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là anh Bùi Xuân Y, sinh ngày 21/11/1989 và chị Bùi Thị L, sinh ngày 06/6/1997 đã thành niên, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung riêng và nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận ông Bùi Văn C và bà Trương Thị T là vợ, chồng. Về con chung: Ông C và bà T có 02 con chung là anh Bùi Xuân Y, sinh ngày 21/11/1989 và chị Bùi Thị L, sinh ngày 06/6/1997, đã thành niên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung riêng và nợ: Ông C và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của ông C và bà T đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, tuy không đăng ký kết hôn nhưng ông, bà có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 21/02/1989 (*âm lịch*). Theo ông C và bà T trình bày nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do ông, bà không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ ngày 18/6/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông, bà đã cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Điều này cho thấy tình cảm của ông, bà chưa đủ lớn để vượt qua thử thách của cuộc sống hôn nhân và phù hợp với “*Biên bản xác minh*” ngày 18/2/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ lập. Nếu duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả ông và bà. Tuy nhiên, ông C và bà T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử không công nhận ông C và bà T là vợ, chồng theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Ông C và bà T có 02 con chung là anh Bùi Xuân Y, sinh ngày 21/11/1989 và chị Bùi Thị L, sinh ngày 06/6/1997. Con chung đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nuôi sống bản thân, không bị bệnh gì cần sự chăm sóc của ông C và bà T nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Ông C và bà T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Điều 9, 53, 56 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận ông Bùi Văn C và bà Trương Thị T là vợ, chồng.

Về con chung: Có 02 người con chung là anh Bùi Xuân Y, sinh ngày 21/11/1989 và chị Bùi Thị L, sinh ngày 06/6/1997. Tất cả đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, nợ chung riêng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm : Ông Bùi Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai số 0006834 ngày 11/01/2024 sang nên ông C không phải nộp thêm án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Hà Thía